

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất của Công ty TNHH một thành viên Cơ điện và Vật liệu nổ 31 ngày 08/9/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 387/TTr-SNNMT ngày 21/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH một thành viên Cơ điện và Vật liệu nổ 31 (Địa chỉ tại tổ dân phố Đại Cát, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được thăm dò nước dưới đất, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích thăm dò: Thăm dò nước dưới đất nhằm mục đích cung cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất tại Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp quốc phòng Thái Nguyên”.

2. Quy mô thăm dò: 03 giếng khoan thăm dò với tổng lưu lượng thăm dò dự kiến 350 m³/ngày đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò: Giếng khoan thăm dò đặt trong khu đất của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp quốc phòng Thái Nguyên” tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.

Toạ độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò như sau:

Điểm	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 106°30', múi chiếu 3°)		Điểm	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 106°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	2373200	423724	9	2372571	423461
2	2373224	423762	10	2372485	423362
3	2373190	423826	11	2372661	423649
4	2373085	423935	12	2372810	423219
5	2372853	424016	13	2372963	423365
6	2372794	423870	14	2373003	423425
7	2372774	423809	15	2373083	423466
8	2372688	423696			

(có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo)

4. Tầng chứa nước thăm dò: Tầng chứa nước khe nứt trong đá Trias trên (t_3) - tầng chứa nước không áp.

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Khoan thăm dò		
1	Khoan lấy mẫu D110mm	m	180
2	Khoan mở rộng đường kính D250mm	m	90
3	Khoan mở rộng đường kính D200mm	m	90
II	Kết cấu giếng khoan thăm dò		
1	Ống chống thép mạ kẽm D219, dày 6mm	m	90
2	Ống lọc thép mạ kẽm D168, đục lỗ cuộn lưới Inox	m	60
3	Ống lắng thép mạ kẽm D168, dày 5mm	m	30
4	Côn thu thép D219/168	cái	3
III	Công tác thổi rửa giếng khoan; chèn sỏi, sét		
1	Thổi rửa giếng khoan	Ca	9,0
2	Chèn sét + sỏi	m ³	10,5
IV	Công tác hút nước thí nghiệm	Ca	18
V	Công tác lấy và phân tích mẫu	Mẫu	1
VI	Công tác trắc địa	Điểm	3
VII	Lập báo cáo kết quả thăm dò	Báo cáo	1

6. Thời hạn của giấy phép là 02 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH một thành viên Cơ điện và Vật liệu nổ 31:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quá trình thi công thăm dò nước dưới đất theo quy định.

5. Sau khi hoàn thành công tác khoan thăm dò yêu cầu gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, thẩm định.

6. Trám, lấp giếng hồng hoặc không sử dụng sau khi kết thúc thăm dò theo quy định tại Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng.

7. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra như sụt lún mặt đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH một thành viên Cơ điện và Vật liệu nổ 31 còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Phúc Thuận;
- Công ty TNHH MTV Cơ điện và Vật liệu nổ 31;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh TN (đăng tải);
- Lưu: VT, CNN&XD.

Hanhh/10/2025-MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

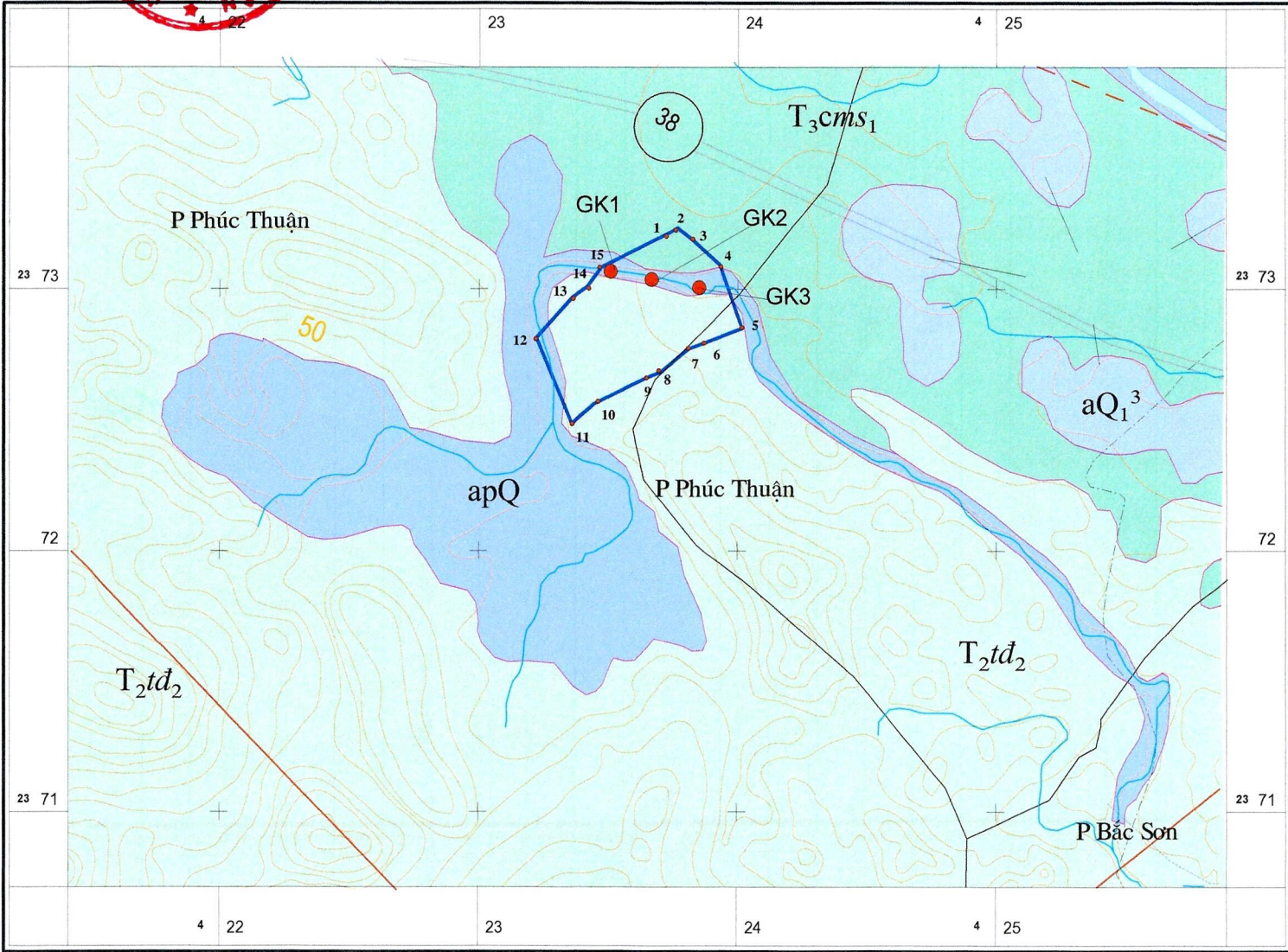


SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH THẨM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG THÁI NGUYÊN

VỊ TRÍ: KHU CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG THÁI NGUYÊN, PHƯỜNG PHÚC THUẬN, TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Giấy phép số: 1658/GP-UBND ngày 28/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

Điểm	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 106°30' múi chiều 3°)	
	X	Y
1	2373200	423724
2	2373224	423762
3	2373190	423826
4	2373085	423935
5	2372853	424016
6	2372794	423870
7	2372774	423809
8	2372688	423696
9	2372571	423461
10	2372485	423362
11	2372661	423649
12	2372810	423219
13	2372963	423365
14	2373003	423425
15	2373083	423466

CHÚ GIẢI

- apQ Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ (q)
- T_{3cms1} Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích Trias trên (t3)
- T_{2td2} Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích Trias giữa (t2)
- GK1 Vị trí giếng dự kiến thẩm dò
- Ranh giới thẩm dò

TỶ LỆ 1:25.000

